

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 127/2008/TT-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2008

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc trồng cao su trên đất lâm nghiệp

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 2855/QĐ/BNN-KHCN ngày 17 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố cây cao su là cây đa mục đích;

Căn cứ Công văn số 7670/VPCP-KTN ngày 07 tháng 11 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai trồng mới 100.000 ha cao su ở Tây Nguyên;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn việc trồng cao su trên đất lâm nghiệp như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định điều kiện, trình tự thủ tục trồng cao su trên đất lâm nghiệp được quy hoạch là rừng sản xuất trong phạm vi cả nước.

1.2. Đối tượng áp dụng: các tổ chức, cá nhân là người Việt Nam, các nông, lâm trường có rừng và đất lâm nghiệp trong diện quy hoạch để phát triển trồng cao su; các cơ quan Nhà nước có liên quan đến việc quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp;

2. Nguyên tắc và điều kiện trồng cao su trên đất lâm nghiệp

2.1. Trồng cao su trên đất lâm nghiệp phải trên cơ sở quy hoạch phát triển cao su được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2.2. Đất lâm nghiệp được chuyển sang trồng cao su phải đảm bảo các tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu sinh trưởng và phát triển của cao su và đạt hiệu quả cao.

2.4. Có đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.5. Điều kiện, đối tượng rừng và đất lâm nghiệp chuyển sang trồng cao su phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Mục II của Thông tư này.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật đối với đất trồng cao su

Đất thích hợp để trồng cao su phải nằm trong vùng khí hậu thích hợp đối với cây cao su và đảm bảo các tiêu chí dưới đây:

1.1. Nhiệt độ trung bình năm từ 25-30⁰C; không có sương muối về mùa đông; lượng mưa trung bình hàng năm trên 1.500 milimet; ít có bão mạnh trên cấp 8;

1.2. Độ cao dưới 700 mét so với mực nước biển (miền núi phía bắc dưới 600 mét);

1.3. Độ dốc dưới 30 độ;

1.4. Tầng đất dày tối thiểu 0,7 mét;

1.5. Độ sâu mực nước ngầm lớn hơn 1,2 mét và không bị ngập úng khi có mưa;

1.6. Thành phần cơ giới đất từ thịt nhẹ đến thịt nặng, thoát nước tốt;

1.7. Mức độ kết von, đá lẫn trong tầng đất canh tác < 50%;

1.8. Hóa tính đất: hàm lượng mùn tầng đất mặt > 1,0%, pH_{KCl}: 4,5 - 5,5;

1.9. Mặt bằng đất trồng cao su phải được thiết kế theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo điều kiện để thâm canh và chống xói mòn.

2. Đối tượng đất lâm nghiệp được trồng cao su

Các loại đất lâm nghiệp dưới đây được chuyển sang trồng cao su nếu đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 1 Mục II của Thông tư này, bao gồm:

2.1. Đất trống quy hoạch trồng rừng sản xuất, bao gồm:

2.1.1. Kiểu I_A: Dạng thực bì là trảng cỏ;

2.1.2. Kiểu I_B: Dạng thực bì là trảng cây bụi;

2.1.3. Kiểu I_C: Dạng thực bì có cây gỗ rải rác.

2.2. Đất có rừng trồng là rừng sản xuất kém hiệu quả.

2.3. Đất có rừng tự nhiên nghèo kiệt thuộc rừng sản xuất.

Rừng tự nhiên nghèo kiệt là trạng thái rừng tự nhiên thoái hóa hoặc kém phát triển, không có hoặc ít có khả năng phục hồi và phát triển, nếu áp dụng các biện pháp lâm sinh như: nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng, khoanh nuôi tái sinh sẽ đạt hiệu quả thấp, cụ thể:

2.3.1. Rừng lồ ô, tre nứa, le thuần loài (gọi chung là rừng tre nứa);

2.3.2. Rừng gỗ, rừng hỗn giao có trạng thái rừng thoái hóa hoặc kém phát triển (như trên) và có tiêu chí về trữ lượng rừng như sau:

a. Đối với các tỉnh Tây Nguyên:

- Rừng gỗ lá rộng thường xanh và nửa rụng lá có trữ lượng gỗ bình quân theo lô nhỏ hơn 110 mét khối trên một héc ta (sau đây viết tắt là m^3/ha);

- Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa có trữ lượng gỗ bình quân theo lô nhỏ hơn $65 m^3/ha$;

- Rừng khộp (rừng rụng lá) có trữ lượng gỗ bình quân theo lô nhỏ hơn $50 m^3/ha$;

b. Đối với các tỉnh miền núi phía bắc:

- Rừng gỗ lá rộng thường xanh có trữ lượng gỗ bình quân theo lô nhỏ hơn $75 m^3/ha$;

- Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa có trữ lượng gỗ bình quân theo lô nhỏ hơn $40 m^3/ha$;

c. Đối với các tỉnh khác:

- Rừng gỗ lá rộng thường xanh có trữ lượng gỗ bình quân theo lô nhỏ hơn $90 m^3/ha$;

- Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa có trữ lượng gỗ bình quân theo lô nhỏ hơn $50 m^3/ha$;

- Rừng khộp (rừng rụng lá) có trữ lượng gỗ bình quân theo lô nhỏ hơn $50 m^3/ha$;

2.3.3. Trường hợp, những đám rừng ở trạng thái khác có diện tích từ 3 héc ta trở xuống, nằm xen kẽ trong những khu rừng đảm bảo các tiêu chí về trữ lượng quy định tại khoản 2 của Mục II thông tư này cũng được phép chuyển sang trồng cao su, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và quyết định cụ thể.

3. Phương pháp điều tra, xác định trữ lượng và sản lượng gỗ khai thác tận dụng

3.1. Xác định ranh giới, diện tích vùng dự án. Phạt ranh giới khu vực khai thác tận dụng, tính toán diện tích và lập bản đồ tỉ lệ 1/5.000 của vùng dự án.

3.2. Lập ô tiêu chuẩn (tổng diện tích các ô tiêu chuẩn tối thiểu bằng 2% diện tích rừng chuyển sang trồng cao su) để thu thập số liệu về chiều cao, đường kính, trữ lượng tổ thành loài cây, tổng số cây có đường kính > 25cm và dự kiến sản lượng khai thác tận dụng.

3.3. Thu thập số liệu và tính toán trữ lượng, sản lượng khai thác:

a. Đo đường kính: Đo đường kính tại vị trí 1,3m của những cây trong ô theo quy định:

- Đối với rừng tự nhiên bắt đầu đo cây có đường kính từ 10cm trở lên, theo cấp 2cm hoặc 4cm;

- Đối với rừng trồng bắt đầu đo cây có đường kính từ 7cm trở lên, theo cấp 2cm.

b. Đo chiều cao vút ngọn 3 cây có các cấp kính khác nhau gần tâm của các ô, trên cơ sở đó tính toán chiều cao bình quân của lâm phần theo cấp kính.